

2017及2018年度教練名錄

<u>準一級教練 (L0)</u>		<u>姓名</u>	<u>屬會</u>
1	PL1-019	周志偉	SOC
2	PL1-023	郭宇	SOC
3	PL1-038	黃佩詩	HKAYP
4	PL1-042	黃偉明	HKOC
5	PL1-043	簡文慧	HKOC
6	PL1-058	沈裕紅	SOC
7	PL1-063	周國明	CWC
8	PL1-065	吳坤成	HKOC
9	PL1-080	陳笑梅	HKOC
10	PL1-086	周達禧	SOC
11	PL1-092	梁逸然	YAOC
12	PL1-096	徐永勝	HKOC
13	PL1-097	梁仲文	SOC
14	PL1-099	蔡一心	SOC
15	PL1-100	凌玉倫	CAS
16	PL1-101	李大明	SOC
17	PL1-102	邵光懷	HKOC
18	PL1-104	鄧慧芯	SOC
19	PL1-106	陳炳堅	HKOC
20	PL1-114	盧廷姿	BBHK
21	PL1-115	蔡恩健	BBHK
22	PL1-116	鍾淑琴	BBHK
23	PL1-117	熊國全	BBHK
24	PL1-118	鄺健銘	SOC
25	PL1-120	李鳳池	BBHK
26	PL1-121	吳惠敏	BBHK
27	PL1-127	劉震奮	METOC
28	PL1-130	唐偉明	SOC
29	PL1-131	袁子健	SOC
30	PL1-132	朱煜明	BBHK
31	PL1-133	馬寶璇	BBHK
32	PL1-134	鍾子健	SOC
33	PL1-137	李家漢	BBHK
34	PL1-138	鍾明浩	SOC
35	PL1-139	余芷螢	HKOC
36	PL1-145	許毅生	POC

37	PL1-146	陳葉生	POC
38	PL1-149	林煒	SOC
39	PL1-151	莫至剛	YWPSOC

一級教練 (L1)

1	L1-006	許家豪	HKOXCC
2	L1-007	洪家武	YAOC
3	L1-010		AKIN
4	L1-011	鍾慧芬	OBAA
5	L1-013	陳保名	HKOC
6	L1-015	莫道	HKOC
7	L1-016	梁智恒	OS
8	L1-021	潘嘉衡	PCOC
9	L1-024	劉志泉	SOC
10	L1-027	陳松榮	HKAYP
11	L1-028	黃玉華	HKAYP
12	L1-031	何雅迪	A123
13	L1-032	何梓恒	HKOC
14	L1-038	盧永兆	HKOXCC
15	L1-039	彭家在	POC
16	L1-043	鄧俊傑	YAOC
17	L1-044	施煥堃	WYCHK
18	L1-045	劉永傑	SOC
19	L1-048	梁日禮	LSCOC
20	L1-051	盧韻儀	HKOC
21	L1-052	陸志軒	METOC
22	L1-053	黃玉卿	HKOC
23	L1-054	張志高	POC
24	L1-056	鄺文暉	BUOC
25	L1-057	黃洪安	OLE
26	L1-058	王文華	HKOC
27	L1-059	李健威	SOC
28	L1-060	張國偉	METOC
29	L1-061	葉澤麟	
30	L1-062	譚泳聰	

二級教練 (L2)

1	L2-003	姚志成	HKOC
2	L2-005	關耀強	YAOC
3	L2-008	蔡偉傑	HKOXCC

4	L2-009	鄭宛琦	HKAYP
5	L2-010	陳國偉	HKOC
6	L2-011	譚家碧	AKIN
7	L2-012	李伏龍	YAOC
8	L2-013	邱鍾華	BPSOC
9	L2-014	袁東南	SOC
10	L2-015	趙麗君	YAOC
11	L2-016	許兆東	HKOXCC
12	L2-017	鄭旭東	FSOC
13	L2-018	鍾志明	AKIN

三級教練 (L3)

1	L3-001	文惠庭	HKOC
2	L3-002	高文峰	HKAYP
3	L3-003	梁林	AKIN
4	L3-005	高倩如	HKOC
5	L3-006	張蔚淇	HKOC
6	L3-007	陳志成	AA
7	L3-009	吳金富	HKAYP
8	L3-010	李文威	HKOC
9	L3-011	施智森	NDOC

Remark: Period of appointment of Level 1, 2 & 3